

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2018/HNGĐ-ST

Ngày 15-11-2018

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Thị AMiNa;

Bà Trần Thị Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Du – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 568/2018/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị L, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Tổ 4, ấp H, xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Bùi Thanh T (Bùi Đình T), sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Tổ 4, ấp H, xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23 tháng 8 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Huỳnh Thị L trình bày:

Chị và anh T sống chung với nhau năm 1997, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh ngày 02-8-2004, hôn nhân tự nguyện; trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cãi vã với nhau, nguyên nhân do anh T không phụ giúp kinh tế gia đình; có hai lần anh T đánh chị vì liên quan đến vấn đề tiền chi tiêu trong gia đình, sau lần này anh T thường xuyên uống rượu về nhà có chửi mắng chị, mẹ chồng chị không khuyên can anh T mà còn chửi mắng chị nên chị thuê nhà trọ ở riêng và đã ly thân với anh T khoảng hơn 06 tháng

nay. Nay chị nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục sống chung được nữa nên yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 03 người con tên Bùi Thị Kim T1, sinh ngày 07-10-1998; Bùi Thanh T2, sinh ngày 19-11-2000 và Bùi Thị Tường V, sinh ngày 04-4-2009, hiện cháu T2 đang sống chung với chị, cháu T1 và cháu V đang sống chung nhà với anh T. Sau khi ly hôn, nguyện vọng của cháu T2 và cháu V muốn sống với ai thì người đó có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; bên không trực tiếp nuôi con không phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu T1 đã thành niên (đủ 18 tuổi), tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Lời khai tại các biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải bị đơn anh Bùi Thanh T có ý kiến:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị L về thời gian chung sống, thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian ly thân; anh thừa nhận có đánh chị L 02 lần liên quan đến vấn đề tiền chi tiêu trong gia đình và nhiều lần uống rượu về nhà chửi mắng chị L, việc mâu thuẫn giữa vợ chồng anh cha, mẹ hai bên đều biết nhưng không có ý kiến gì. Nay chị L yêu cầu ly hôn anh không đồng ý vì còn thương vợ, thương con.

Về con chung: Anh thống nhất vợ, chồng có 03 người con, họ tên, ngày tháng, năm sinh và nơi ở của các cháu hiện nay như chị L trình bày, nếu phải ly hôn thì theo nguyện vọng của cháu T2 và cháu V muốn sống với ai thì người đó có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; bên không trực tiếp nuôi con không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu T1 đã thành niên (đủ 18 tuổi), tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Việc tuân thủ pháp luật của những người tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Huỳnh Thị L đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn anh Bùi Thanh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh T là đúng quy định pháp luật

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 146 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự

và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị L đối với anh Bùi Thanh T;

- Về nuôi con chung: Theo nguyện vọng của cháu T2 và cháu V đều muốn sống với chị L nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Bùi Thanh T2, sinh ngày 19-11-2000 và Bùi Thị Tường V, sinh ngày 04-4-2009 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; ghi nhận chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Bùi Thị Kim T1, sinh ngày 07-10-1998 đã thành niên (đủ 18 tuổi), chị L và anh T không yêu cầu giải quyết nên ghi nhận.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị L, anh T không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Huỳnh Thị L vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; anh Bùi Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị L và anh Bùi Thanh T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1997, hôn nhân giữa anh, chị là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án anh T không đồng ý ly hôn với chị L với lý do còn thương vợ, thương con; tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải anh T thừa nhận từ khi sống chung với nhau, anh và chị L có xảy ra xung đột, anh có đánh chị L hai lần, ngoài ra còn chửi mắng chị L khi có uống rượu dẫn đến chị L phải ra ngoài thuê nhà trọ ở riêng nên vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay, do đó Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian chung sống giữa chị L và anh T có xảy ra hành vi ngược đãi, đánh đập và không tôn trọng danh dự lẫn nhau, dẫn đến vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân giữa anh, chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên việc chị L yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị L và anh T có 03 người con tên Bùi Thị Kim T1, sinh ngày 07-10-1998; Bùi Thanh T2, sinh ngày 19-11-2000 và Bùi Thị Tường V, sinh ngày 04-4-2009. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án cháu T2 và cháu V có nguyện vọng muốn sống chung với chị L; anh T cũng thống nhất theo nguyện

vọng của hai cháu nên căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu T2 và cháu V cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật. Ghi nhận chị L không yêu cầu anh T có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) cháu Tuyền, cháu V cùng với chị.

Đối với cháu Bùi Thị Kim T1, sinh ngày 07-10-1998 đã thành niên (đủ 18 tuổi) chị L, anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị L, anh T không yêu cầu giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Huỳnh Thị L và anh Bùi Thanh T (Bùi Đình T).

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Bùi Thanh T2, sinh ngày 19-11-2000 và Bùi Thị Tường V, sinh ngày 04-4-2009 cho chị Huỳnh Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận chị L không yêu cầu anh T có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) cháu Tuyền, cháu V cùng với chị.

Ghi nhận cháu Bùi Thị Kim T1, sinh ngày 07-10-1998 đã thành niên (đủ 18 tuổi) chị L, anh T không yêu cầu giải quyết.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị L và anh T không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0025953 ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Huỳnh Thị L và anh Bùi Thanh T (Bùi Đình T) có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh (Phòng KT-NV);
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC THADS huyện Tân Châu;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thanh Quốc